TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:30/2019/HNST
Ngày: 13/6/2019
V/v:"Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tiền
2. Bà Hồ Thị Ngọc Diễm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện VKSND huyện Châu Thành: Bà Trần Hiền Diệu- KSV

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc: ***"Xin ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Hồng H, sinh năm 1986 (Có mặt).
HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

* Bị đơn: Anh Lê Hồng P, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
HKTT: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng H trình bày:

Chị H kết hôn với anh P vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu. Đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do chị H nghi ngờ anh P có quan hệ nam nữ bất chính bên ngoài. Khi đi nhậu về anh P còn đánh chị H, hăm dọa đòi giết chị H. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay chị H đã đến chỗ làm ở. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về con chung: Có một con chung là Lê Hồ Minh T sinh ngày 05/11/2015, sau ly hôn chị H yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2019, anh Lê Hồng P trình bày: Anh P kết hôn với chị H vào năm 2014, trên cơ cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng bốn năm. Đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không phù hợp, có những buồn vui trong cuộc sống. Chị H nghi ngờ anh P có quan hệ nam nữ bên ngoài nên vợ chồng thường cải vả nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh P không đồng ý vì còn thương vợ con. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về con chung: Có một con chung là Lê Hồ Minh T sinh ngày 05/11/2015, sau ly hôn ai nuôi con cũng được, anh P không tranh chấp việc nuôi con.

Anh P được Tòa án tống đạt Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, và giấy triệu tập dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng không đến, Tòa án đã công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục luật định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Hồng H. Về con chung: Sau ly hôn chị H được quyền nuôi con chung là Lê Hồ Minh T sinh ngày 05/11/2015, ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hồng P được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện kết hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Đến giữa năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H, anh P trình bày là do chị H nghi ngờ anh P có quan hệ nam nữ bất chính bên ngoài, vợ chồng thường cải vả nhau. Vợ chồng chị H anh P đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh P không đồng ý vì còn thương vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên bản làm việc xác minh của Tòa án ngày 25/4/2019 tại ấp Bình An xã B, huyện C tỉnh Bến Tre nơi vợ chồng chị H, anh P sinh sống, thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H, anh P đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng chị H, anh P đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Đời sống chung của chị H, anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đã cương quyết xin ly hôn với anh P. Do vậy, yêu cầu xin được ly hôn của chị H là có cơ sở, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Về con chung: Có một con chung là Lê Hồ Minh T sinh ngày 05/11/2015, sau ly hôn chị H yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P không tranh chấp về việc nuôi con chung. Xét thấy hiện nay chị H là người trực tiếp nuôi cháu T, cháu T hiện còn nhỏ cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T cần để chị H được quyền nuôi con là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị H, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Hồng H đối với anh Lê Hồng P.

Chị Hồ Thị Hồng H được ly hôn đối với anh Lê Hồng P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị H, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

3. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

4. Về con chung: Sau ly hôn, chị H được quyền nuôi con chung là Lê Hồ Minh T sinh ngày 05/11/2015. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung sau này một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Chị H phải nộp là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003073 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* ***Nơi nhận*:**

- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Các bên đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Tường Đa;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng